



**PHỤ LỤC TỔNG HỢP VẬT TƯ - HÓA CHẤT GIẢNG DẠY  
NĂM HỌC 2026 - 2027**

(Đính kèm Thư mời báo giá số: 108.T./TĐT-KHDA ngày 06/4/2026)

**1. Danh mục và yêu cầu kỹ thuật:**

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
A	<b>NHÓM HÓA CHẤT CƠ BẢN</b>						
1	8	Acid 5-sulfosalicylic dihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	5	HCCB
2	9	Acid acetic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	139	HCCB
3	10	Acid acetic	Pháp	97%-99%	Chai 2,5L	1	HCCB
4	11	Acid ascorbic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	76	HCCB
5	13	Acid boric	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
6	17	Acid fuchsin	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	2	HCCB
7	20	Acid indolebutiric (IBA)	Ấn Độ	97%-99%	Chai 5g	5	HCCB
8	24	Acid salicylic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	22	HCCB
9	25	Acid salicylic	Đức	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB
10	27	Acid stearic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCCB
11	28	Acid sulfanilic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	3	HCCB
12	30	Acid trichloroacetic (TCA)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	9	HCCB
13	33	Agar	Việt Nam	bột mịn	Gói 500g	25	HCCB
14	40	Aluminium chloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
15	42	Aluminium oxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	6	HCCB
16	44	Ammonium acetate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
17	45	Ammonium aluminum sulfate Dodecahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
18	46	Ammonium carbonate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	3	HCCB
19	48	Ammonium ferric sulfate hexahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	10	HCCB
20	50	Ammonium oxalate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
21	54	Ammonium thiocyanate (Am sulfocyanua)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCCB
22	55	Ammoni hydroxide	Trung Quốc	25%-28%	Chai 500mL	168	HCCB
23	68	Barium carbonate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	14	HCCB
24	70	Barium hydroxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
25	76	Benzylaminopurine BAP	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 5g	3	HCCB
26	83	Bộ thuốc nhuộm Gram	Việt Nam	97%-99%	Bộ/chai/ 100ml	12	HCCB
27	98	Caffein anhydrous	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB
28	103	Calcium lactate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	5	HCCB
29	104	Calcium oxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
30	105	Calcium sulfate dihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
31	109	Carrageenan	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB
32	121	Chitosan	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	19	HCCB

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
33	124	Chromium (III) chloride hexahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
34	134	Cobalt (II) chloride hexahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	20	HCCB
35	136	Cocicine	Đức	97%-99%	Chai 1g	2	HCCB
36	140	Copper acetate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	8	HCCB
37	142	Copper foil	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	40	HCCB
38	143	Copper II chloride dihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	11	HCCB
39	146	Copper nitrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
40	147	Copper powder	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
41	148	Copper sulfate anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	22	HCCB
42	205	Ericrom T đen (NET)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	2	HCCB
43	215	Folin-ciocal	Đức	Tinh khiết	Chai 100mL	17	HCCB
44	220	Gelatin	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
45	253	Hydrazin sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB
46	255	Hydroxylamine hydrochloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	40	HCCB
47	257	Indigo carmine, Certified	Ấn Độ	97%-99%	Chai 25g	1	HCCB
48	260	Iron (III) nitrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
49	261	Iron (II) chloride tetrahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
50	273	Fuchsine base	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	1	HCCB
51	350	Lanolin	Trung Quốc	Tinh khiết	Kg	1	HCCB
52	353	Lead(II) acetate trihydrate	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
53	358	Long não (Camphor Synthetic)	Trung Quốc	97%-99%	Kg	1	HCCB
54	362	Magnesium carbonat	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	2	HCCB
55	371	Manganese sulphate monohydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	6	HCCB
56	374	Menthol	Trung Quốc	97%-99%	Kg	1	HCCB
57	377	Methyl orange, Practical grade	Ấn Độ	97%-99%	Chai 25g	2	HCCB
58	379	Methylene blue	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	3	HCCB
59	381	Methyl red	Ấn Độ	97%-99%	Chai 10g	8	HCCB
60	436	Muối (làm sinh hàn)	Việt Nam	muối hạt	Kg	73	HCCB
61	448	Nessler	Đức	Tinh khiết	Chai 100mL	46	HCCB
62	452	Nickel chlorua (NiCl2)	Trung Quốc	Tinh khiết	Chai 500g	3	HCCB
63	453	Nickel sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	3	HCCB
64	456	Ninhydrin	Ấn Độ	97%-99%	Chai 10g	4	HCCB
65	465	Ổng chuẩn Ethylene Diamine Tetraacetic Acid Disodium (EDTA.Na2)	Việt Nam	TCCS	Ổng	20	HCCB
66	482	Oxalic acid dihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	24	HCCB
67	483	Oxalic acid dihydrate	Đức	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCCB
68	485	p-Aminophenol	Đức	Tinh khiết	Chai 250g	2	HCCB
69	490	Phloroglucinol anhydrous	Mỹ	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCCB
70	491	Dung dịch bảo quản điện cực	Rumania	TCCS	Chai 1L	1	HCCB
71	495	Phenol red	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	2	HCCB

STT	MH	TÊN VẬT TU, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
72	496	Phenolphthalein	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	8	HCCB
73	510	Polyethylene glycol 6000 (PEG 6000)	Trung Quốc	97%-99%	Kg	3	HCCB
74	515	Potassium aluminum sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
75	519	Ammonium molybdate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
76	525	Potassium hydrogen carbonate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
77	526	Potassium hydrogen phthalate	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCCB
78	527	Potassium hydroxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	28	HCCB
79	531	Potassium persulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCCB
80	532	Potassium persulfate	Đức	Tinh khiết	Chai 1kg	1	HCCB
81	534	Potassium sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	3	HCCB
82	541	PVP K30 (Polyvinyl pyrrolidone)	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 100g	20	HCCB
83	552	Safanin	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 10g	2	HCCB
84	558	Shellac (Nhựa cánh kiến)	Trung Quốc	97%-99%	Kg	1	HCCB
85	562	Silver nitrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	32	HCCB
86	563	Silver sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB
87	567	Sodium acetate trihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	11	HCCB
88	568	Sodium alginate	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	2	HCCB
89	572	Sodium Borohydride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	11	HCCB
90	573	Sodium bromide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	5	HCCB
91	575	Carboxymethylcellulose sodium salt	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	7	HCCB
92	576	Sodium chloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	63	HCCB
93	577	Sodium chloride CN	Trung Quốc	97%-99%	Kg	3	HCCB
94	579	Sodium chloride	Tây Ban Nha	Tinh khiết	Chai 1kg	1	HCCB
95	580	Sodium dihydrogen phosphate, dihydrate	Trung Quốc	TCCS	Chai 500g	11	HCCB
96	582	Sodium fluoride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
97	583	Sodium hydrogen carbonate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	26	HCCB
98	584	Sodium hydrogen sulfite	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCCB
99	589	Sodium molybdate dihydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	2	HCCB
100	590	Sodium nitrite	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCCB
101	593	Sodium sulfite anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	3	HCCB
102	595	Sodium tetraborate decahydrate (Borax)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
103	600	Span 80	Trung Quốc	97%-99%	Kg	1	HCCB
104	602	Stannous chloride (Tin II Chloride)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCCB
105	607	Sodium starch glycolate	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCCB
106	608	Sulfanilamide	Hàn Quốc	Tinh khiết	Chai 500g	3	HCCB
107	629	Thymol Blue	Ấn Độ	97%-99%	Chai 5g	3	HCCB
108	640	Titan dioxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCCB
109	643	Tris-Acid	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	1	HCCB

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
110	644	Tris-base	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	3	HCCB
111	645	Trisodium citrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	5	HCCB
112	657	Vanillin	Trung Quốc	97%-99%	Chai 100g	5	HCCB
113	664	Xylenol organe	Ấn Độ	97%-99%	Chai 5g	2	HCCB
114	665	Zinc chloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCCB
115	667	Zinc oxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
116	669	Zinc seed	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	3	HCCB
117	670	Zinc sulfate heptahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	38	HCCB
118	676	Thủy tinh lỏng	Trung Quốc	97%-99%	Lít	20	HCCB
119	677	Tryptose	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCCB
120	703	Màu vàng chanh tan trong dầu (Lake Tartrazine)	Việt Nam	97%-99%	Kg	1	HCCB
121	722	ã-Naphthylacetic acid	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	6	HCCB
122	785	Bromofom	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCCB
<b>B</b>	<b>NHÓM VẬT TƯ TIÊU HAO</b>						
1	53	Bình cầu đáy tròn 250mL 1 cổ nhám 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 250mL, 1 cổ 29/32	Cái	21	VTTH
2	65	Bình cầu đáy tròn 250mL 2 cổ nhám 29/32, 14/23	Ấn Độ	Thủy tinh, 250mL, 2 cổ 29/32 & 14/23	Cái	8	VTTH
3	67	Bút gắn kim lấy máu	Trung Quốc	TCCS	Cái	26	VTTH
4	72	Bát sứ có mỏ 100ml	Trung Quốc	TCCS	Cái	86	VTTH
5	78	Bình tam giác có vòi 1000 ML	Ấn Độ	Thủy tinh, 1L	Cái	6	VTTH
6	79	Bình đo tỷ trọng 25 ML, hiệu Biohall Germany_Ấn (không nhiệt kế)	Ấn Độ	Thủy tinh, 25mL	Cái	11	VTTH
7	80	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 2000ML	Ấn Độ	thủy tinh, 2000 mL	Cái	9	VTTH
8	81	Bình tia 500 mL	Anh	Nhựa, 500 mL	Cái	45	VTTH
9	84	Bơm tiêm (xi lanh) nhựa 1ml	Việt Nam	1 mL	Hộp 100 cái	9	VTTH
10	85	Bơm tiêm (xi lanh) nhựa 10ml	Việt Nam	10 mL	Hộp 100 cái	3	VTTH
11	86	Bơm tiêm (xi lanh) nhựa 3ml	Việt Nam	3 mL	Hộp 100 cái	7	VTTH
12	88	Bơm tiêm loại 50 mL	Việt Nam	50 mL	Hộp 25 cái	1	VTTH
13	89	Bông không thấm	Việt Nam	TCCS	Kg	35	VTTH
14	90	Bông thấm	Việt Nam	TCCS	Kg	35	VTTH
15	91	Quả bóp cao su 1 van 90ml	Trung Quốc	fi9	Cái	364	VTTH
16	96	Thanh khuấy từ 6*20mm	Đức	2 cm	Cái	107	VTTH
17	97	Thanh khuấy từ 8*50mm	Đức	5 cm	Cái	6	VTTH
18	111	Cối chày sứ F100mm	Trung Quốc	TCCS	Cái	121	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TU, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
19	114	Chai thủy tinh vial trắng 2ml có chia vạch + Nắp vặn hờ	Trung Quốc	TCCS	Hộp 100 cái	5	VTTH
20	115	Chai nhỏ giọt thủy tinh nâu 125ml	Ấn Độ	Thủy tinh, 125 mL	Cái	77	VTTH
21	116	Chai nhỏ giọt trắng 125ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 125 mL	Cái	10	VTTH
22	119	Cột sắc ký fi 18	Việt Nam	Thủy tinh, fi 18 mm	Cái	4	VTTH
23	120	Cốc nhựa có quai vạch sơn xanh 5000ml	Trung Quốc	Nhựa PP, 5000 mL	Cái	4	VTTH
24	130	Chổi rửa dụng cụ thí nghiệm lớn	Việt Nam	TCCS	Cái	25	VTTH
25	131	Chổi rửa dụng cụ thí nghiệm nhỏ	Việt Nam	TCCS	Cái	71	VTTH
26	132	Chổi rửa dụng cụ trung	Việt Nam	TCCS	Cái	358	VTTH
27	149	Kẹp ống nghiệm inox	Trung Quốc	Bằng inox, dài 16cm	Cái	48	VTTH
28	150	Cuvet nhựa PS tốp đáy 2ml	Ý	nhựa, 2mL	Hộp 100 cái	12	VTTH
29	151	Cuvet Thủy Tinh 10*10mm	Trung Quốc	Thủy tinh, dày 2 mm	Cái	50	VTTH
30	158	Dao lam	Việt Nam	TCCS	Hộp 5 cái	427	VTTH
31	159	Dao mổ	Ấn Độ	TCCS	Hộp 100 cái	1	VTTH
32	161	Đầu bóp nhỏ giọt đỏ (Nút cootogut)	Trung Quốc	TCCS	Cái	1.730	VTTH
33	164	Cốc thủy tinh 100ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 100 mL	Cái	538	VTTH
34	166	Đầu tip trắng 0-10ul	Ý	TCCS	Gói 1000 cái	3	VTTH
35	167	Đầu tip vàng có khóa 0-200ul	Ý	TCCS	Gói 1000 cái	5	VTTH
36	168	Đầu tip xanh 100-1000ul	Ý	TCCS	Gói 500 cái	21	VTTH
37	170	Đèn cồn thủy tinh 250ml	Trung Quốc	Thủy tinh	Cái	183	VTTH
38	173	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 250ML, khắc vạch trắng, hiệu Biohall Germany_Ấn	Ấn Độ	Thủy tinh, 250 mL	Cái	314	VTTH
39	184	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 600ML	Ấn Độ	Thủy tinh, 600 mL	Cái	69	VTTH
40	194	Đũa thủy tinh 7 x 300mm	Trung Quốc	Thủy tinh	Cái	641	VTTH
41	195	Duham	Việt Nam	Thủy tinh	Cái	1.265	VTTH
42	203	Ống nghiệm nhựa (Eppendoff) 0.2ml	Trung Quốc	Nhựa, 0.2 mL	Gói 500 cái	5	VTTH
43	204	Ống Microtube PP 1.5ml nắp phẳng	Ý	Nhựa, 1,5 mL	Gói 500 cái	11	VTTH
44	217	Găng tay không bột size L	Malaysia	không bột	Hộp 100 cái	76	VTTH
45	218	Găng tay không bột size M	Malaysia	không bột	Hộp 100 cái	269	VTTH
46	219	Găng tay không bột size S	Malaysia	không bột	Hộp 100 cái	20	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
47	224	Giấy An An	Việt Nam	TCCS	Cuộn	2.065	VTTH
48	225	Giấy cân 75x75mm	Trung Quốc	75x75mm	Hộp 500 tờ	15	VTTH
49	228	Giấy Lọc Định Tính TB 102-110mm	Trung Quốc	f11	Hộp 100 tờ	86	VTTH
50	229	Giấy Lọc Định Tính TB 102-90mm	Trung Quốc	f9	Hộp 100 tờ	116	VTTH
51	230	Giấy Lọc Định Lượng TB 202-90mm	Trung Quốc	f9	Hộp 100 tờ	3	VTTH
52	231	Giấy lọc tờ TB 102, 600 x 600-mm	Trung Quốc	TCCS	Tờ	1.288	VTTH
53	232	Giấy nhám P800	Việt Nam	TCCS	Gói 100 tờ	6	VTTH
54	233	Màng nhôm 30cm x 5m	Việt Nam	TCCS	Cuộn	128	VTTH
55	234	Giấy PH 1-14	Trung Quốc	TCCS	Tập	1.142	VTTH
56	235	Giấy sắc ký #1, 0.18mm, 46x57cm	Anh	46x57cm	Hộp 100 tờ	4	VTTH
57	242	Giấy cuộn E'mos	Việt Nam	TCCS	Lốc 10 cuộn	22	VTTH
58	247	Hộp đầu tuýp trắng 10µl	Trung Quốc	Nhựa	Hộp	17	VTTH
59	248	Hộp đầu tuýp vàng 2- 200µl	Trung Quốc	Nhựa	Hộp	17	VTTH
60	249	Hộp đầu tuýp xanh 1000µl	Trung Quốc	Nhựa	Hộp	40	VTTH
61	270	Pen 24cm, thẳng, không máu	Pakistan	Inox	Cái	31	VTTH
62	271	Kẹp nhựa #14	Trung Quốc	Nhựa f14	Cái	18	VTTH
63	272	Kẹp nhựa #29	Trung Quốc	Nhựa f29	Cái	83	VTTH
64	275	Khẩu trang nhiều lớp	Việt Nam	TCCS	Hộp 50 cái	153	VTTH
65	276	Kim mũi mác	Việt Nam	TCCS	Cái	115	VTTH
66	290	Lame	Trung Quốc	TCCS	Hộp 72 cái	249	VTTH
67	349	Lamelle / Phiến kính 24*24mm	Đức	TCCS	Hộp 100 cái	232	VTTH
68	356	Phễu lọc xốp 200 ML/G3	Ấn Độ	Thủy tinh, 200mL	Cái	2	VTTH
69	359	Lưỡi dao mổ 11	Ấn Độ	TCCS	Hộp 100 cái	55	VTTH
70	366	Cốc thủy tinh 1000ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 1000 mL	Cái	46	VTTH
71	369	Đầu lọc nhựa syringe CA 13mm 0.45um Hộp/100c, hiệu Labfil (ALWSCI)	Trung Quốc	màng CA, 0.45um	Hộp 100 cái	12	VTTH
72	402	Buret thủy tinh Eco Khóa nhựa 25ml	Trung Quốc	khóa nhựa, 25 mL	Cái	66	VTTH
73	416	Pipet thẳng chia vạch 10 ML	Ấn Độ	Thủy tinh, 10 mL	Cái	147	VTTH
74	418	Pipet thẳng chia vạch 2 ML	Ấn Độ	Thủy tinh, 2 mL	Cái	40	VTTH
75	438	Thìa cân 2 đầu tròn 220mm	Trung Quốc	inox 2 đầu, dài 220mm	Cái	123	VTTH
76	446	Ổng đong nhựa 500ml, vạch sơn xanh	Trung Quốc	Nhựa, 500 mL	Cái	3	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
77	450	Nhiệt kế rượu -10--> 110oC	Pháp	-10 - 110oC	Cái	97	VTTH
78	458	Nút cao su số 1	Trung Quốc	màu trắng	Cái	437	VTTH
79	459	Nút cao su số 2	Trung Quốc	màu trắng	Cái	56	VTTH
80	461	Nút cao su số 4	Trung Quốc	màu trắng	Cái	285	VTTH
81	462	Nút cao su số 6	Trung Quốc	màu trắng	Cái	13	VTTH
82	463	Nút cao su số 7	Trung Quốc	màu trắng	Cái	96	VTTH
83	464	Ống mao quản 1+2+3+4+5µl	Đức	dài 125mm, có vạch mức	Hộp 250 cái	2	VTTH
84	471	Ống đong thủy tinh 10ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 10mL	Cái	88	VTTH
85	472	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml	Ý	Nhựa, 50mL	Gói 100 cái	12	VTTH
86	473	Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml	Ý	Nhựa, 15mL	Gói 50 cái	20	VTTH
87	474	Ống đong nhựa 250ml, vạch sơn xanh	Trung Quốc	Nhựa, 250mL	Cái	5	VTTH
88	475	Lọ trữ lạnh cryotube 2.0ml	Trung Quốc	Nhựa	Gói 50 cái	1	VTTH
89	476	Ống mao quản 75ul	Trung Quốc	dài 75mm	Hộp 100 cái	40	VTTH
90	477	Ống mao quản chấm sắc ký 10. µl, dài 125mm, có vạch mức	Đức	10uL, dài 125mm	Hộp 250 cái	4	VTTH
91	479	Ống silicon f10*14mm	Việt Nam	fi 10	Mét	48	VTTH
92	480	Ống thủy tinh L 9x20cm	Việt Nam	Thủy tinh	Cái	33	VTTH
93	487	Màng parafilm PM996 (10cm X 38m)	Mỹ	TCCS	Cuộn	4	VTTH
94	492	Đĩa petri nhựa PS - F90x16.2mm	Ý	φ9	Thùng 480 cái	9	VTTH
95	500	Đầu lọc vi sinh (màng Cellulose Acetate, bộ phận giữ, tự thoát khí), lỗ lọc 0.45 micromet, đường kính 28mm	Đức	màng CA, 0.45 um, fi 28mm	Hộp 50 cái	3	VTTH
96	505	Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml	Trung Quốc	Nhựa, 3 mL	Hộp 500 cái	12	VTTH
97	506	Ống hút pipet pasteur thủy tinh 225mm	Trung Quốc	Thủy tinh	Hộp 250 cái	6	VTTH
98	544	Que cấy vòng	Trung Quốc	TCCS	Cái	79	VTTH
99	545	Que trang	Việt Nam	Thủy tinh	Cái	195	VTTH
100	546	Quet gas	Việt Nam	TCCS	Cái	216	VTTH
101	565	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml, 27.5x57mm+ Nắp vặn kín	Trung Quốc	Thủy tinh, 20mL	Cái	95	VTTH
102	606	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 10ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 10mL, nút nhựa	Cái	4	VTTH
103	612	Tăm bông tiết trùng	Trung Quốc	tiết trùng	Gói 100 cái	11	VTTH
104	617	Ống đong nhựa 1000ml, vạch sơn xanh	Trung Quốc	Nhựa, 1000 mL	Cái	5	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
105	620	Thuyền cân ( đĩa cân) nhựa trắng 30ml	Ý	55 x 85 x 13,5mm	Cái	148	VTTH
106	630	Tim đèn cồn	Việt Nam	TCCS	Cái	809	VTTH
107	647	Giấy thử Cobalt chloride (Giấy kiểm tra độ ẩm không khí)	Trung Quốc	TCCS	Hộp 200 test	7	VTTH
108	671	Bộ chiết shoxhlet 100 ML( Extractor 100ml+ flask 250ml+SH bóng)	Ấn Độ	Thủy tinh	Bộ	4	VTTH
109	678	Màng lọc sợi thủy tinh GF/C 1.2um, 47mm	Đức	TCCS	Hộp 100 tờ	1	VTTH
110	679	Dao Inox Kiwi Cán Nhựa 511 – 21,5cm	Việt Nam	inox, 21,5cm	Cái	6	VTTH
111	681	Dây thun	Việt Nam	size nhỏ	Kg	25	VTTH
112	682	Xô nhựa 16 lít	Việt Nam	Nhựa	Cái	8	VTTH
113	693	Băng keo trong	Việt Nam	48mm	Cuộn	8	VTTH
114	694	Bịch nylon 0.5kg quai xách	Việt Nam	15x22cm	Kg	3	VTTH
115	697	Chai nhựa trắng HDPE nắp vặn/miệng rộng 100ml	Trung Quốc	màu trắng, 100mL	Cái	187	VTTH
116	698	Lọ nhựa PP 30ml, vô trùng	Ý	Nhựa trong, 30mL	Cái	422	VTTH
117	706	Bao nylon	Việt Nam	11*20cm	Kg	9	VTTH
118	707	Bao PE	Việt Nam	40*60cm	Kg	13	VTTH
119	708	Túi hấp nhiệt ướt PP 40x60cm	Việt Nam	50*70cm	Hộp 100 cái	1	VTTH
120	710	Bao tay nylon	Việt Nam	size L	Hộp 100 cái	18	VTTH
121	717	Túi ép tiệt trùng cắt sẵn Size:190mm*330+30mm	Trung Quốc	190mm*330+30mm	Hộp 200 cái	1	VTTH
122	718	Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 1ml	Trung Quốc	1mL	Hộp 500 cái	9	VTTH
123	719	Ống nghiệm thủy tinh F20 X 150MM	Ấn Độ	f20 x 15cm	Cái	635	VTTH
124	728	Chai trắng nắp vặn xanh 250ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 250mL	Cái	10	VTTH
125	729	Chai trắng nắp vặn xanh 500ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 500mL	Cái	15	VTTH
126	732	Bình tam giác thủy tinh, miệng rộng 250ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 250ml	Cái	162	VTTH
127	773	Bát sứ có mỏ 300ml	Trung Quốc	màu trắng, 300mL	Cái	10	VTTH
128	774	Cốc thủy tinh 50ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 50mL	Cái	219	VTTH
129	776	Bình cầu đáy tròn 1 cổ 100ml 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 100mL	Cái	6	VTTH
130	777	Bình cầu đáy tròn 1 cổ 50ml 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 50mL	Cái	10	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
131	778	Bình cầu đáy tròn 1 cổ 500ml 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 500mL	Cái	15	VTTH
132	779	Bình định mức trắng USP nắp nhựa 100 ML-NS 14/23	Ấn Độ	Thủy tinh, 100mL	Cái	56	VTTH
133	780	Bình định mức trắng USP nắp nhựa 200 ML-NS 14/23	Ấn Độ	Thủy tinh, 200mL	Cái	6	VTTH
134	781	Bình định mức trắng USP nắp nhựa 50 ML-NS 12/21	Ấn Độ	Thủy tinh, 50mL	Cái	55	VTTH
135	782	Bình đo tỷ trọng 50 mL	Ấn Độ	Thủy tinh, 50mL	Cái	5	VTTH
136	783	Phễu chiết quả lê khắc vạch 100ML-khóa PTFE	Ấn Độ	Thủy tinh, 100mL	Cái	19	VTTH
137	784	Bút đo nhiệt độ (-40°C đến +200°C)	Trung Quốc	-40°C đến +200°C	Cái	5	VTTH
138	786	Ống thủy tinh 40cm, đường kính 20mm	Việt Nam	Thủy tinh, dài 40cm	Cái	8	VTTH
139	787	chạc 3 nhánh 29/32, 29/32 và 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 3 nhánh 29/32	Cái	4	VTTH
140	788	Chén cân thủy tinh thấp thành 50*30 mm	Trung Quốc	thủy tinh	Cái	4	VTTH
141	789	Bình tam giác có nhám 100 ML-29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 100ml, cổ nhám 29/32	Cái	38	VTTH
142	790	Bình tam giác thủy tinh, miệng rộng 100ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 100mL	Cái	134	VTTH
143	791	Bình tam giác có nhám 250 ML-29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 250ml, cổ nhám 29/32	Cái	43	VTTH
144	792	Bình tam giác thủy tinh, miệng rộng 500ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 500mL	Cái	6	VTTH
145	793	Giá đỡ ống nghiệm 10 vị trí	Việt Nam	inox	Cái	27	VTTH
146	794	Kẹp bình cầu 3 càng	Trung Quốc	nhôm 3 càng	Cái	38	VTTH
147	795	Kẹp buret đơn	Việt Nam	Kim loại, kẹp đơn	Cái	57	VTTH
148	796	Khóa đôi nhỏ	Trung Quốc	Hộp kim đúc, dài 16mm	Cái	92	VTTH
149	797	Dụng cụ đo huyết áp cơ AG1-20	Thụy Sĩ	TCCS	Cái	6	VTTH
150	798	Đĩa kính tròn thủy tinh F80mm	Trung Quốc	thủy tinh, 80 mm	Cái	7	VTTH
151	799	Nhánh tách tinh dầu cổ nhám 29/32	Việt Nam	TCCS	Cái	2	VTTH

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
152	800	Ống chữ U lớn	Việt Nam	Thủy tinh, 11cm, fi20mm	Cái	18	VTTH
153	801	Ống chữ U nhỏ	Việt Nam	Thủy tinh, 7cm, fi 16mm	Cái	18	VTTH
154	802	Ống đong thủy tinh 100ml	Trung Quốc	Thủy tinh, 100mL	Cái	38	VTTH
155	803	Ống đong nhựa 50ml, vạch sơn xanh	Trung Quốc	Nhựa, 50mL	Cái	21	VTTH
156	804	Ống nghiệm có nút 20x150mm	Trung Quốc	Thủy tinh, fi20 x 150mm	Cái	44	VTTH
157	805	Ống nghiệm COD có nắp 10mL 16x100mm	Trung Quốc	Thủy tinh, fi16 x 100mm	Cái	325	VTTH
158	806	Ống nghiệm tron 18x150mm	Trung Quốc	Thủy tinh, fi18 x 150mm	Cái	539	VTTH
159	807	Ống sinh hàn bóng 400mm - 2 đầu nhám NS 29/32	Ấn Độ	Thủy tinh, 40cm, nhám 29/32	Cái	13	VTTH
160	808	Sinh hàn thẳng 40cm, NS29/32 và 14/23	Việt Nam	Thủy tinh, 40cm, 2 đầu nhám 29/32, 14/23	Cái	6	VTTH
161	809	Pipet bầu 1vạch 1ML, Class A	Ấn Độ	Thủy tinh, 1mL	Cái	28	VTTH
162	810	Pipet bầu 1vạch 10ML, Class A	Ấn Độ	Thủy tinh, 10mL	Cái	75	VTTH
163	811	Pipet bầu 1vạch 2ML, Class A	Ấn Độ	Thủy tinh, 2mL	Cái	43	VTTH
164	813	Pipet bầu 1vạch 5ML, Class A	Ấn Độ	Thủy tinh, 5mL	Cái	29	VTTH
165	814	Pipet thẳng chia vạch 5 ML	Ấn Độ	Thủy tinh, 5mL	Cái	39	VTTH
166	815	Phễu nhựa F75mm	Trung Quốc	Nhựa, fi 7.5cm	Cái	19	VTTH
167	816	Phễu Thủy Tinh F75mm	Trung Quốc	Thủy tinh, fi 7.5cm	Cái	85	VTTH
168	818	Sùng bò nhám 14/23	Ấn Độ	Thủy tinh, 1 Nhám 14/23	Cái	4	VTTH
169	819	Thau rô đôi 35x45	Việt Nam	45 x 35 x 12,5 cm	Cái	26	VTTH
170	820	Nhíp inox 15cm	Việt Nam	inox	Cái	64	VTTH
<b>C</b>	<b>NHÓM HÓA CHẤT Y SINH</b>						
1	35	Albumin fraction	Đức	Tinh khiết	Chai 25g	4	HCYS

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
2	38	Alloxan	Đức	Tinh khiết	Chai 10g	2	HCYS
3	66	Bản mỏng silicagel F254	Đức	F254	Hộp 25 bản	13	HCYS
4	110	Casein (M-Protein)	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	1	HCYS
5	171	Dextrin	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCYS
6	178	Đĩa giấy kháng sinh Tetracyclin	Việt Nam	TCCS	Lọ 50 đĩa	2	HCYS
7	190	Dithizon	Ấn Độ	Tinh khiết	Hộp 5g	1	HCYS
8	193	3,5-Dinitrosalicylic (DNS)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 25g	13	HCYS
9	213	Ferrioin	Đức	Tinh khiết	Chai 100mL	1	HCYS
10	252	Huyết tương thô cho phản ứng coagulase	Việt Nam	97%-99%	Lọ	79	HCYS
11	278	Kit thử định lượng Protein toàn phần bằng phương pháp Biurê (TP 250)	Đức	KIT	5x50mL	1	HCYS
12	279	Kit thử định lượng Urê bằng phương pháp dùng Enzyme (UREA 250)	Đức	KIT	R1: 4x50mL, R2: 1x50mL	1	HCYS
13	280	L-Cysteine hydrochloride monohydrate	Ấn Độ	97%-99%	Chai 25g	1	HCYS
14	282	L-Cysteine	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCYS
15	283	L-Histidine, monohydrochloride, monohydrate	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCYS
16	286	L-Valine	Ấn Độ	97%-99%	Chai 25g	1	HCYS
17	508	Polloxamer	Đức	Tinh khiết	Chai 250g	1	HCYS
18	542	PVP K30 CN (Polyvinyl pyrrolidone K30)	Trung Quốc	97%-99%	Kg	1	HCYS
19	556	Sephadex G-75 (G-100)	Đức	G - 75	Chai 50g	3	HCYS
20	559	Silicagel	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	14	HCYS
21	625	Thuốc thử Kovac	Đức	TCCS	Chai 100mL	2	HCYS
22	627	Thuốc thử oxidase	Đức	TCCS	Hộp 50mL	1	HCYS
23	653	Tyloxapol	Đức	Tinh khiết	Chai 5g	3	HCYS
24	721	Perchloric acid	Ấn Độ	70%	Chai 500mL	3	HCYS
25	725	Calcium D Pantathenate	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	6	HCYS
26	730	Chromazurol S	Ấn Độ	97%-99%	Chai 10g	2	HCYS
27	733	Hexadecyltrimethylammonium bromide	Đức	Tinh khiết	Chai 100g	2	HCYS
28	734	Kinetin	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 5g	3	HCYS
29	736	King's medium B base	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCYS
30	738	Miller Luria Bertani Agar	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCYS
31	741	Ortho-phosphoric acid	Đức	85%	Chai 1L	1	HCYS
32	742	Skim milk agar	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCYS
D	NHÓM HÓA CHẤT PHÂN TỬ						

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
1	56	Ampicillin sodium salt	Canada	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCPT
2	82	Bộ cột sắc ký (Cột + Tiền cột + Bộ nối cột)	Mỹ	150x4,6 mm	Cái	2	HCPT
3	93	Chloramphenicol	Canada	Tinh khiết	Chai 50g	5	HCPT
4	108	Carmin red	Canada	Tinh khiết	Chai 10g	15	HCPT
5	113	Cfr9I (XmaI) (10 U/ $\mu$ L)	Mỹ	Tinh khiết	300 units	2	HCPT
6	118	Chất thử IPTG Dioxane Free	Canada	Tinh khiết	Chai 5g	21	HCPT
7	191	DNA ladder (HyperLadder 100bp)	Đức	Tinh khiết	Hộp 100 lanes	9	HCPT
8	192	DNA plasmid extraction kit (TopPURE ® PLASMID DNA EXTRACTION KIT)	Việt Nam	TCCS	Bộ/50 test	1	HCPT
9	201	Invertase from baker's yeast (S. cerevisiae) Grade VII, $\geq 300$ units/mg solid	Mỹ	Tinh khiết	Chai 250mg	6	HCPT
10	222	GelRed or GelGreen (Gelred DNA loading buffer tricolor, 6x)	Việt Nam	TCCS	mL	17	HCPT
11	245	HindIII (10.U/ $\mu$ L)	Mỹ	10 U/ $\mu$ L	5000 units	1	HCPT
12	246	Guanidine thiocyanate	Canada	Tinh khiết	Chai 250g	2	HCPT
13	256	HyperLadder 1kb (Chất thử HyperLadder 1kb, Cat # BIO - 33025, 200 lanes/hộp)	Đức	BIO-33025	Hộp 200 lanes	6	HCPT
14	265	ISOLATE II Genomic DNA Kit - Genomic DNA extraction kit (Chất thử Isolate II Genomic DNA Kit, Cat # BIO - 52066, 50 preps/hộp)	Đức	BIO-52066	Bộ/50 test	2	HCPT
15	274	Kháng sinh bột Kanamycine	Canada	Tinh khiết	Chai 5g	1	HCPT
16	360	Magnesium powder	Mỹ	97%-99%	Chai 10g	1	HCPT
17	372	Master mix PCR (MyTaq Mix, 2x)	Đức	Tinh khiết	Hộp 200 reactions	5	HCPT
18	403	Hợp chất Kinetin	Canada	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCPT
19	424	Acid 3-Indole acetic (IAA)	Canada	Tinh khiết	Chai 25g	2	HCPT
20	447	NcoI	Mỹ	Tinh khiết	500 units	2	HCPT
21	449	NheI (10 U/ $\mu$ L)	Mỹ	ER0971	500 units	2	HCPT
22	497	Glutaraldehyde	Canada	97%-99%	Chai 25mL	1	HCPT
23	501	Phosphate-buffered saline (PBS)	Canada	97%-99%	Hộp 50 viên	1	HCPT
24	507	Plasmid DNA purification kit (ISOLATE II Plasmid Mini Kit)	Đức	KIT	50 preps	3	HCPT
25	512	Polyme tự nhiên Agarose, Cat # BIO-41026, 100g/chai	Đức	BIO-41026	Chai 100g	2	HCPT

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUÝ CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
26	540	Proteinase K, 1.2 mL	Việt Nam	DD-068	Ông/1,2 mL	15	HCPT
27	564	CTAB solution	Việt Nam	97%-99%	Chai 500mL	1	HCPT
28	599	D-Sorbitol	Canada	97%-99%	Chai 500g	3	HCPT
29	609	T4 DNA Ligase, 5u/ul (Enzyme T4 DNA Ligase, 5u/μl - B1125, 200 units/chai)	Canada	5u/ul	200 units	1	HCPT
30	611	TAE 50X	Việt Nam	50X	Chai 500mL	7	HCPT
31	619	Toxocara IgG ELISA Kit	Mỹ	TCCS	Hộp 96 test	1	HCPT
32	652	Vert iod (thuốc nhuộm kép phen son)	Việt Nam	Hỗn hợp	Chai 100mL	21	HCPT
33	685	Ultra pure water	Việt Nam	Tinh khiết	Chai 500mL	3	HCPT
34	686	Isolate II PCR and Gel kit (BIO-52059)	Đức	KIT	Bộ 50 preps	2	HCPT
35	688	Silica column	Việt Nam	Nhựa silica	Gói 50 cột	6	HCPT
36	743	Gallic acid	Canada	Tinh khiết	Chai 250g	1	HCPT
37	744	Fibrinogen from human plasma	Đức	>=80%	Chai 100mg	1	HCPT
38	745	Thrombin (100 NIH U/ml)	Đức	100 IU/ml	Lọ	1	HCPT
39	746	Plasminogen from human plasma 5U	Đức	Tinh khiết	Lọ	1	HCPT
40	747	Prothrombin time test kit	Đức	Ampule	Ông	2	HCPT
41	748	Dry Rabbit Plasma	Ấn Độ	Đông khô	Hộp 5 vial	4	HCPT
42	752	Amikacin Ezy MIC Strip	Ấn Độ	TCCS	Hộp 30 strip	1	HCPT
43	753	G-VII-minus - OD 043 - disc with 8 antibiotics	Ấn Độ	TCCS	Hộp 10 đĩa	2	HCPT
44	754	HiBacillus Identification Kit	Ấn Độ	TCCS	Hộp 10 kit	1	HCPT
45	758	Que nhúng test nhanh nước tiểu dipstick test Tecu URS-10	Mỹ	TCCS	Hộp 100 que	1	HCPT
46	759	Que cấy 1μl (tiệt trùng)	Trung Quốc	TCCS	Gói 25 cái	4	HCPT
47	760	Đĩa đa kháng sinh (Multidics)	Ấn Độ	TCCS	Hộp 10 đĩa	4	HCPT
48	761	Nước muối sinh lý vô trùng (NaCl 0,9%)	Việt Nam	0,9%	Chai 1L	2	HCPT
49	765	Recombinant Mouse Interleukin-2/IL-2 Protein	Trung Quốc	Protein	10ug	6	HCPT
50	766	Rabbit anti-mouse IL-2 IgG	Mỹ	1mg/ông	Ông	6	HCPT
51	767	HRP-Goat anti-rabbit IgG	Mỹ	500ul/ông	Ông	4	HCPT
52	768	Đĩa đựng mẫu bằng nhựa loại 96 giếng	Trung Quốc	96 giếng/đĩa/ 12 strip rời	Gói 10 cái	15	HCPT
53	770	One-component TMB Substrate	Canada	Dạng lỏng, tinh khiết	Chai 100mL	2	HCPT
54	771	Quercetin	Đức	Tinh khiết	Chai 10g	1	HCPT
55	772	Oleanolic acid	Đức	>97%	Chai 100mg	1	HCPT
<b>E</b>	<b>NHÓM HÓA CHẤT HỮU CƠ</b>						
1	5	Acetone	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	136	HCHC

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
2	6	Acetonitrile (for HPLC)	Đức	Tinh khiết	Chai 4L	3	HCHC
3	7	Acetophenone	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	2	HCHC
4	57	Anhydric acetic	Tây Ban Nha	97%-99%	Chai 1L	8	HCHC
5	73	Beeswax, white (Sáp ong)	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCHC
6	75	Benzyl alcohol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	6	HCHC
7	112	Cetyl alcohol	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCHC
8	123	Chloroform	Việt Nam	97%-99%	Chai 500mL	221	HCHC
9	152	Cyclohexane	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	7	HCHC
10	154	D-Fructose	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	2	HCHC
11	155	D-Glucose	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	11	HCHC
12	157	Đá bột (Pumice stone)	Pháp	Tinh khiết	Kg	3	HCHC
13	163	Dầu parafin	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	6	HCHC
14	181	Dichloromethane	Việt Nam	97%-99%	Chai 500mL	36	HCHC
15	183	Diethyl Ether	Việt Nam	97%-99%	Chai 500mL	15	HCHC
16	206	Ethanol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	397	HCHC
17	207	Methanol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	74	HCHC
18	208	Ethanol tuyệt đối	Đức	Tinh khiết	Chai 2,5L	1	HCHC
19	209	Ethyl acetate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	91	HCHC
20	210	Ethyl acetate	Mỹ	Tinh khiết	Chai 4L	1	HCHC
21	216	Formaldehyde solution	Trung Quốc	37%-40%	Chai 500mL	55	HCHC
22	237	Glucose khan	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	4	HCHC
23	238	Glycerin	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	18	HCHC
24	241	Xanthan gum	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 100g	1	HCHC
25	267	Isopropyl alcohol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	18	HCHC
26	269	Ethylene glycol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	6	HCHC
27	288	Lactose monohydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	10	HCHC
28	367	Maltose, monohydrate	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	3	HCHC
29	375	Meso-inositol	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 100g	3	HCHC
30	376	Methanol (dùng cho HPLC)	Đức	Tinh khiết	Chai 4L	2	HCHC
31	378	Methyl salicylat	Trung Quốc	97%-99%	Chai 1L	1	HCHC
32	380	Methylparaben	Trung Quốc	Tinh khiết	Chai 500g	2	HCHC
33	440	n-Butanol	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	38	HCHC
34	441	n-Hexane	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	90	HCHC
35	457	Nitrobenzaldehyd	Đức	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCHC
36	488	Parafin wax	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCHC
37	493	Petroleum ether 60-90	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	66	HCHC
38	494	Phenol	Mỹ	97%-99%	Chai 1kg	2	HCHC
39	539	Propylparaben (Nipasol)	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	1	HCHC
40	547	Quinine sulfate	Canada	Tinh khiết	Chai 25g	1	HCHC
41	551	Saccarose	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	34	HCHC
42	618	Thiamin - HCl (B1)	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 25g	4	HCHC
43	633	Tinh dầu bạc hà	Việt Nam	dạng lỏng	Kg	2	HCHC
44	636	Tinh dầu hương nhu	Việt Nam	dạng lỏng	Kg	1	HCHC
45	637	Tinh dầu quế	Việt Nam	dạng lỏng	Kg	3	HCHC

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
46	638	Tinh dầu trầm	Việt Nam	dạng lỏng	Kg	2	HCHC
47	639	Tinh dầu xả	Việt Nam	dạng lỏng	Kg	2	HCHC
48	641	Toluen	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	23	HCHC
49	650	Tween 20	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	2	HCHC
50	651	Tween 80	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	1	HCHC
51	660	White vaseline	Trung Quốc	TCCS	Chai 500g	6	HCHC
52	663	Xylen	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	6	HCHC
53	672	$\alpha$ -naphthol	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 100g	1	HCHC
54	673	$\beta$ -naphthol	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	18	HCHC
55	680	Tinh dầu lộc đề xanh	Việt Nam	97%-99%	Chai 100mL	80	HCHC
56	739	D-Mannitol	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	2	HCHC
57	775	Benzaldehyde for synthesis	Đức	$\geq 98.5\%$	Chai 1L	2	HCHC
<b>F</b>	<b>NHÓM HÓA CHẤT KIỂM NGHIỆM, BẢO CHẾ</b>						
1	18	Acid glycyrrhizic standard	Trung Quốc	Tinh khiết	Lọ 50mg	1	HCKNBC
2	64	AceCel® 101 (Avicel PH101)	Ấn Độ	97%-99%	Bao 25kg	1	HCKNBC
3	126	4-Acetamidophenol standard	Anh	97%-99%	Chai 100g	1	HCKNBC
4	127	Clorpheniramin	Trung Quốc	97%-99%	Túi 0,5kg	5	HCKNBC
5	128	p-Chloroacetanilide standard	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	1	HCKNBC
6	129	Ibuprofen	Trung Quốc	97%-99%	Túi 0,5kg	3	HCKNBC
7	153	Diclofenac diethylamine	Ấn Độ	97%-99%	Túi 3kg	1	HCKNBC
8	223	Geniposide standard	Trung Quốc	Tinh khiết	Lọ 20mg	3	HCKNBC
9	289	Lactose Monohydrate (CN)	Trung Quốc	97%-99%	Bao 25kg	1	HCKNBC
10	484	p-Aminobenzoic acid (PABA)	Ấn Độ	97%-99%	Chai 500g	1	HCKNBC
11	509	Paracetamol	Ấn Độ	97%-99%	Bao 50kg	1	HCKNBC
12	537	Propylen glycol (1,2-propanediol)	Thái Lan	97%-99%	Can 10L	1	HCKNBC
13	550	Rutin standard	Ấn Độ	Tinh khiết	Lọ 50mg	1	HCKNBC
14	675	Diclofenac sodium	Ấn Độ	97%-99%	Túi 0,5kg	3	HCKNBC
<b>G</b>	<b>NHÓM HÓA CHẤT VI SINH</b>						
1	385	Môi trường blood agar	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
2	386	Môi trường Brain heart infusion agar (BHI)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
3	387	Môi trường Brilliant Green Bile (BGBL)	Ấn Độ	Tổng hợp	Chai 500g	1	HCVS
4	388	Môi trường Brilliant Green agar	Ấn Độ	Tổng hợp	Chai 500g	1	HCVS
5	392	Môi trường EMB agar (EMB Agar, Levine)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
6	395	Môi trường Ion sulphite agar	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
7	396	Môi trường KIA	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
8	397	Môi trường lactose broth	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
9	398	Môi trường Lauryl sulfate broth	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
10	399	Môi trường Lysine Decarboxylase Broth	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
11	401	Môi trường MacConkey agar (MacConkey Agar w/ 0.15% Bile Salts)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
12	404	Môi trường MR-VP Broth (Glucose Phosphate Broth)	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	1	HCVS
13	405	Môi trường Mannitol Salt Agar Base	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
14	407	Môi trường Mueller Hinton agar	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
15	410	Môi trường Ornithine Decarboxylase	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
16	411	Môi trường Peptone	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
17	412	Môi trường Peptone nước đệm (SPW) (Alkaline Saline Peptone Water (ASPW))	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
18	417	Môi trường SS Agar (Salmonella Shigella Agar)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
19	421	Môi trường Simmon Citrate agar	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
20	423	Môi trường TCBS Agar (Selective)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
21	430	Môi trường Tryptone	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
22	431	Môi trường Tryptone soya agar	Ấn Độ	Tinh khiết	Chai 500g	2	HCVS
23	434	Môi trường Yeast extract (Yeast Extract Powder)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
24	435	Môi trường Mueller Hinton broth (MHB)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS
25	445	Môi trường Violet red bile (VRBA)	Ấn Độ	TCCS	Chai 500g	1	HCVS

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
H	NHÓM TIÊU BẢN NHUỘM SẴN						
1	291	Lame Aedes ấu trùng	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
2	292	Lame Aedes con trưởng thành cái	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
3	293	Lame Aedes con trưởng thành đực	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
4	294	Lame Alternaria sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
5	295	Lame Anopheles ấu trùng	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
6	296	Lame Anopheles con trưởng thành cái	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
7	297	Lame Anopheles con trưởng thành đực	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
8	298	Lame Aspergillus flavus	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
9	299	Lame Aspergillus fumigatus	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
10	301	Lame Aspergillus niger	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
11	302	Lame Aspergillus terreus	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
12	305	Lame Candida albicans	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
13	307	Lame Cladosporium	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
14	308	Lame Culex ấu trùng	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
15	309	Lame Culex con trưởng thành cái	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
16	310	Lame Culex con trưởng thành đực	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
17	311	Lame Cunninghamella sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
18	312	Lame Curvularia sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
19	313	Lame Đơn bào tổng hợp	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
20	314	Lame Entamoeba coli bào nang	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
21	316	Lame Entamoeba histolytica bào nang	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
22	318	Lame Fusarium sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
23	319	Lame Giardia lamblia bào nang	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
24	320	Lame Giardia lamblia hoạt động	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
25	321	Lame Giun lươn ấu trùng	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
26	322	Lame giun sán tổng hợp	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
27	324	Lame mẫu nấm da	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
28	326	Lame Microsporium cookei	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
29	327	Lame Microsporium gypseum	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
30	329	Lame Mucor sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
31	330	Lame Nigrospora sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
32	331	Lame Paecilomyces sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
33	332	Lame Penicillium sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
34	333	Lame Plasmodium falciparum	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
35	334	Lame Plasmodium vivax	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
36	335	Lame Rhizopus	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
37	336	Lame Tế bào máu	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
38	337	Lame Trichoderma sp.	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
39	338	Lame Trichophyton mentagrophytes	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
40	339	Lame Trichophyton rubrum	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
41	340	Lame Trùng giun đũa	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
42	341	Lame Trùng giun kim	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
43	342	Lame Trùng giun móc	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
44	343	Lame Trùng giun tóc	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
45	344	Lame Trùng sán dây cá	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
46	345	Lame Trùng sán dây lợn/bò	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
47	346	Lame Trùng sán dây lùn	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
48	347	Lame Trùng sán lá gan lớn	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
49	348	Lame Trùng sán lá gan nhỏ	Việt Nam	TCCS	Cái	2	TBNS
I	NHÓM HÓA CHẤT PHÂN TÍCH HÓA LÝ						
1	1	1,10-Phenantroline monohydrate	Việt Nam	97%-99%	Chai 5g	54	HCPHTL
2	2	2,2-Diphenyl-1-picryl-hydrazyl-hydrate (DPPH)	Mỹ	97%-99%	Chai 1g	1	HCPHTL
3	14	Acid citric	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	10	HCPHTL
4	16	Acid formic	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	4	HCPHTL
5	19	Acid hydrochloric	Trung Quốc	36%-38%	Chai 500mL	237	HCPHTL
6	22	Acid nitric	Trung Quốc	65-68%	Chai 500mL	27	HCPHTL
7	23	Acid phosphoric	Trung Quốc	85%	Chai 500mL	32	HCPHTL
8	29	Acid sulfuric	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500mL	227	HCPHTL
9	43	Aluminium sulfate octadecahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCPHTL
10	47	Ammonium chloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	61	HCPHTL
11	52	Ammonium sulfate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	24	HCPHTL
12	59	Anti-A	Ai Cập	KIT	Lọ 10mL	15	HCPHTL
13	60	Anti-AB	Ai Cập	KIT	Lọ 10mL	1	HCPHTL
14	61	Anti-B	Ai Cập	KIT	Lọ 10mL	15	HCPHTL
15	62	Anti-D	Ai Cập	KIT	Lọ 10mL	15	HCPHTL
16	95	Bromothymol blue	Trung Quốc	Tinh khiết	Chai 25g	3	HCPHTL
17	99	Calcium carbonate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	106	HCPHTL
18	100	Calcium chloride anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	12	HCPHTL
19	101	Calcium hydroxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCPHTL
20	117	Crystal violet	Tây Ban Nha	97%-99%	Chai 25g	2	HCPHTL
21	137	Cồn 96	Việt Nam	96%	Lít	1.513	HCPHTL
22	144	Copper II oxide powder	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCPHTL

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
23	145	Copper II sulfate pentahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	46	HCPHLL
24	165	Dầu soi kính	Mỹ	Tinh khiết	Chai 500mL	1	HCPHLL
25	172	Di-Potassium hydrogen phosphate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCPHLL
26	174	Di-Sodium hydrogen phosphate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	11	HCPHLL
27	196	Dung dịch pH 10	Rumania	pH 10	Chai 1L	1	HCPHLL
28	197	Dung dịch pH 4	Rumania	pH 4	Chai 1L	1	HCPHLL
29	198	Dung dịch pH 7	Rumania	pH 7	Chai 1L	1	HCPHLL
30	211	Ethylene Diamine Tetraacetic Acid Disodium (EDTA.Na2)	Trung Quốc	97%-99%	Chai 250g	19	HCPHLL
31	254	Hydrogen peroxide	Trung Quốc	30%	Chai 500mL	18	HCPHLL
32	258	Iodine	Trung Quốc	97%-99%	Chai 250g	10	HCPHLL
33	262	Iron (II) sulfate heptahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	12	HCPHLL
34	263	Iron (III) chloride hexahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	13	HCPHLL
35	363	Magnesium chloride hexahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	6	HCPHLL
36	365	Magnesium sulfate heptahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	9	HCPHLL
37	370	Manganese dioxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 250g	9	HCPHLL
38	439	Murexide	Trung Quốc	TCCS	Chai 25g	1	HCPHLL
39	466	Ống chuẩn Hydrochloric acid 0.1N	Việt Nam	0.1N	Ống	144	HCPHLL
40	468	Ống chuẩn Sodium hydroxide 0.1N	Việt Nam	0.1N	Ống	153	HCPHLL
41	469	Ống chuẩn Sodium thiosulfate pentahydrate 0.1 N	Việt Nam	0.1N	Ống	44	HCPHLL
42	470	Ống chuẩn Sulfuric acid 0.1N	Việt Nam	0.1N	Ống	73	HCPHLL
43	478	Ống chuẩn Sodium carbonate 0.1N	Việt Nam	0.1N	Ống	28	HCPHLL
44	518	Potassium chloride	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	16	HCPHLL
45	522	Potassium dihydrogen phosphate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	19	HCPHLL
46	528	Potassium iodat	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCPHLL
47	529	Potassium iodine	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	27	HCPHLL
48	530	Potassium permanganate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	18	HCPHLL
49	533	Potassium sodium tartrate tetrahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	40	HCPHLL
50	535	Potassium thiocyanate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	5	HCPHLL
51	566	Sodium acetate anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	12	HCPHLL
52	574	Sodium carbonate anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	42	HCPHLL
53	578	Sodium citrat	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	1	HCPHLL
54	585	Sodium hydroxide	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	139	HCPHLL
55	586	Sodium hypochlorite solution	Trung Quốc	5%-15%	Chai 500mL	57	HCPHLL
56	592	Sodium sulfate anhydrous	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	34	HCPHLL

STT	MH	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH THEO QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	SỐ LƯỢNG SỬ DỤNG THEO QUY CÁCH ĐÓNG	NHÓM
57	597	Sodium thiosulfate pentahydrate	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	13	HCPHL
58	604	Starch soluble	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	11	HCPHL
59	616	Than hoạt tính	Trung Quốc	dạng bột	Túi 1Kg	8	HCPHL
60	654	Urea	Trung Quốc	97%-99%	Chai 500g	7	HCPHL
<b>J</b>	<b>NHÓM HÓA CHẤT NHUỘM IN</b>						
1	106	Calcon	Đức	Tinh khiết	Chai 50g	4	HCNI
2	162	Dầu dừa	Việt Nam	97%-99%	Chai 1L	12	HCNI
3	259	Iot clorua	Đức	Tinh khiết	Chai 100g	1	HCNI
4	513	Polyvinyl alcohol (PVA)	Ấn Độ	97%-99%	Chai 100g	21	HCNI
5	658	Vinyl acetate	Đức	96%	Chai 1L	3	HCNI

## 2. Yêu cầu chung:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng Bên bán sẽ cung cấp vật tư - hóa chất cho Bên mua theo 3 đợt: Thời gian giao hàng mỗi đợt trong vòng 15 ngày kể từ ngày Phòng Quản trị thiết bị - Trường ĐH Tôn Đức Thắng (đại diện Bên mua) có văn bản hoặc email yêu cầu cung cấp danh mục và số lượng vật tư - hóa chất.

- Địa điểm giao hàng: Khu vực Phòng thí nghiệm nhà C, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, TP.HCM.

